

ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC DẠY HỌC CỦA GIÁO VIÊN TỐT NGHIỆP KHOA TIẾNG ANH, TRƯỜNG ĐHSPTPHCM TRONG VÒNG 5 NĂM TRỞ LẠI ĐÂY (TỪ NĂM 2007 – 2011)

NGUYỄN KIM DUNG*, LÊ THỊ THU LIỄU**

TÓM TẮT

Bài viết trình bày kết quả khảo sát của đề tài: “Đánh giá năng lực dạy ngoại ngữ của giáo viên (GV) tiếng Anh trung học phổ thông (THPT) tại một số trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM), đã tốt nghiệp Khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Sư phạm (ĐHSPT) TPHCM trong vòng 5 năm trở lại đây (2007 – 2011)”. Bài viết tập trung vào một số quan điểm lí luận về tầm quan trọng của đề tài, kết quả khảo sát, kết luận của đề tài, đồng thời đề xuất một số ý kiến đối với Khoa Tiếng Anh và Trường ĐHSPTPHCM.

Từ khóa: năng lực dạy ngoại ngữ, giáo viên tiếng Anh trung học phổ thông, tốt nghiệp, Khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

ABSTRACT

Evaluating the competence in English language teaching of high-school English teachers who graduated from Ho Chi Minh City University of Education in the last 5 years (from 2007 to 2011)

The paper presents the results of studying the topic “Evaluating the competence in English language teaching of high-school English teachers in Ho Chi Minh City, who graduated from Ho Chi Minh City University of Education (HCMUE) in the last 5 years (from 2007 to 2011)”. The paper focuses on introducing some reasoning viewpoints of the importance of the topic, the findings of the study, and some recommendations for the Department of English in the HCMUE as well as the HCMUE.

Keywords: competency in English language teaching, high-school English teachers, graduated, the Department of English, the HCMUE.

1. Đặt vấn đề

Đánh giá năng lực GV tiếng Anh theo Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân từ năm 2008-2020” là một trong những chương trình hành động cụ thể để thực hiện mục tiêu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục của Việt Nam trong những năm gần đây. Trường ĐHSPTPHCM là một trong hai trường sư phạm trọng điểm của cả nước

về đào tạo GV ở phần lớn các cấp học, trong đó có đào tạo GV dạy tiếng Anh. Kết quả đánh giá năng lực giảng dạy của GV tiếng Anh giúp cho các nhà quản lí cấp khoa và trường đưa ra các chính sách phù hợp cho công tác đào tạo của Trường; giúp cho các giảng viên có chứng cứ khoa học để nhìn lại nội dung, phương pháp dạy, hoạt động đánh giá và các hoạt động khác trong giảng dạy và giúp cho các nhà tuyển dụng hiểu rõ hơn đối tượng mình sử dụng trong lao động. Trên thực tế, nhà trường cũng chưa có

* TS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

** ThS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

một đề tài nghiên cứu khoa học nào tìm hiểu về vấn đề này, do đó, đề tài nghiên cứu này sẽ góp phần đánh giá trình độ GV tiếng Anh của trường và cũng là sự chuẩn bị cần thiết cho việc so sánh chất lượng đào tạo của Trường với các trường khác trong nước, khu vực và thế giới trong quá trình hội nhập hiện nay.

Đề tài đặt ra nhiệm vụ chính là: (i) Xây dựng các tiêu chí đánh giá tiết dạy của GV, thông qua đó đánh giá năng lực dạy học của GV; (ii) Dự giờ đánh giá GV trên lớp học và phỏng vấn GV (kể cả Ban Giám hiệu) và học sinh (HS); (iii) Điều tra bằng bảng hỏi nhằm thu thập ý kiến của các đối tượng có liên quan trực tiếp về năng lực dạy học của GV tiếng Anh (là sinh viên tốt nghiệp khoa Anh, Trường ĐHSPTPHCM trong khoảng thời gian từ 2007-2011); (iv) Đề xuất với Trường và khoa Tiếng Anh một số giải pháp thực hiện để cải tiến và nâng cao năng lực đào tạo GV tiếng Anh tại trường.

2. Giới thiệu đề tài nghiên cứu

Đề tài thực hiện khảo sát trên 557 học sinh (HS), 15 cán bộ quản lí (CBQL), 8 GV tiếng Anh và 268 phụ huynh (PH) tại 6 trường THPT trên địa bàn TPHCM: Mạc Đĩnh Chi, Thực hành Sư phạm, Thủ Đức, Trần Khai Nguyên, Bùi Thị Xuân, Thực hành Sài Gòn. Trong số 8 GV tiếng Anh được khảo sát tại 6 trường thì có 6 GV cơ hữu và 2 GV thỉnh giảng, trong đó tất cả các GV đều tốt nghiệp Trường ĐHSPTPHCM trong khoảng thời gian từ năm 2007-2011.

3. Kết quả khảo sát

Chúng tôi trình bày kết quả theo mục tiêu nghiên cứu nhằm tìm hiểu thái độ, đánh giá và quan điểm của các đối tượng có liên quan về năng lực chuyên môn, kĩ năng và phương pháp sư phạm, thái độ của GV tiếng Anh tại 6 trường được khảo sát.

3.1. Về năng lực chuyên môn (xem bảng 1 và 2)

Bảng 1. Đánh giá mức độ đồng ý của học sinh, GV và CBQL về các yếu tố liên quan đến mục tiêu bài giảng của GV

Các yếu tố	Mẫu	Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Không có ý kiến (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)
GV có nêu bật mục tiêu bài giảng ngay từ đầu	HS	1,8	4,3	21,9	41,4	30,6
	GV			12,5	62,5	25,0
	CBQL		7,1		85,7	7,1
GV thể hiện được mục tiêu bài giảng rõ ràng	HS	0,5	2,7	17,0	40,8	39,0
	GV				75,0	25,0
	CBQL			7,1	71,4	21,4
	PH	1,9	1,5	14,6	49,8	32,2

Bảng 2 cho thấy đa số các đối tượng tham gia khảo sát (CBQL, GV, PH, HS) tương đối đồng tình và hài lòng về các yếu tố liên quan đến nội dung bài giảng của các GV tiếng Anh. Đa số GV đảm bảo được nội dung bài giảng rõ ràng, chính xác và có hệ thống; đảm bảo mục tiêu kiến thức và bám sát vào nội dung chương trình đã có trong sách giáo khoa. Việc phân phối chương trình với thời lượng giảng dạy cho các kĩ năng, tiết ôn tập... được nhà trường quy định khá chặt

chẽ, vì vậy phần lớn GV căn cứ theo phân phối chương trình này để dạy kịp tiến độ.

Kết quả ở bảng 2 dưới đây cũng cho thấy nhiều GV chuẩn bị bài giảng một cách khoa học và chu đáo. Đối với khâu chuẩn bị bài giảng, nhiều GV trong khảo sát này thể hiện rất rõ sự đầu tư công sức cho tiết học, năng lực kết hợp linh hoạt, khoa học việc sử dụng dụng cụ học tập, phương tiện tranh ảnh, nghe nhìn phù hợp với nội dung bài dạy.

Bảng 2. Đánh giá mức độ đồng ý của HS, GV, CBQL và PH về các yếu tố liên quan đến nội dung bài giảng của GV

Các yếu tố	Mẫu	Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Không có ý kiến (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)
Nội dung bài giảng của GV rõ ràng, chính xác, có hệ thống	HS	1,1	1,7	10,6	42,2	44,4
	GV				87,5	12,5
	CBQL			7,7	76,9	15,4
Nội dung bài giảng đảm bảo mục tiêu GD toàn diện	HS	1,6	4,4	18,1	35,1	40,8
	GV		12,5		50,0	37,5
	CBQL			20,0	73,3	6,7
Nội dung bài giảng đảm bảo được trình bày đầy đủ trong phạm vi thời gian của tiết học	HS	1,6	4,5	26,6	43,7	23,6
	GV		12,5		62,5	25,0
	CBQL			13,3	73,4	13,3

Kết quả khảo sát ý kiến về các vấn đề liên quan đến năng lực giảng dạy của GV tiếng Anh, gồm có: GV xử lí các lỗi sai của HS một cách hợp lí; GV đưa ra các nhận xét đúng đắn và phù hợp cho các câu trả lời của HS; GV định ra thời gian cụ thể cho từng hoạt động và yêu cầu HS thực hiện theo; GV phát âm đúng, rõ ràng cho thấy đa phần các GV có đánh giá HS cụ thể, kịp thời và GV có chú ý sửa lỗi, đánh giá các câu trả lời của HS, để từ đó điều chỉnh những lỗi sai của HS một cách hợp lí trong giờ học.

Nhiều PH đồng ý với ý kiến cho rằng con em mình sử dụng được các kiến thức, kĩ năng của môn học và hài lòng về GV tiếng Anh với tỉ lệ 73,4%, trong khi tỉ lệ tương ứng về việc GV thông báo kịp thời các vấn đề mà HS gặp phải chỉ chiếm tỉ lệ 46,5%. Điều này cho thấy có

sự mâu thuẫn và chưa thống nhất ý kiến trong các câu hỏi có nội dung liên quan chặt chẽ với nhau.

3.2. Về kĩ năng và phương pháp sư phạm của GV

Nhìn chung, đa số HS, GV và CBQL đều đồng ý rằng các hoạt động học tập được tổ chức đa dạng, hiệu quả (trên 70%). Tuy nhiên, vẫn còn một tỉ lệ khá cao HS được khảo sát vẫn chưa đồng tình hoặc không ý kiến về việc GV có phần dẫn dắt vào bài học dễ hiểu (khoảng 40%).

Mặc dù phần đông đối tượng khảo sát đồng ý rằng các hoạt động học tập được tổ chức đa dạng và hiệu quả, nhưng khi đi sâu vào khảo sát đối với từng phương pháp giảng dạy cụ thể thì kết quả lại cho khá nhiều ý kiến khác nhau. Các kết quả được thể hiện ở bảng 3 dưới đây:

Bảng 3. Đánh giá mức độ đồng ý của học sinh, GV và CBQL về phương pháp dạy học của GV

GV có sử dụng phương pháp dạy học	Mẫu	Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Không có ý kiến (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)
Dự án	HS	2,1	7,9	31,8	39,7	18,6
	GV		12,5	37,5	37,5	12,5
	CBQL		26,7	26,7	46,6	
Thảo luận nhóm	HS	1,3	6,2	12,0	43,8	36,7
	GV				50,0	50,0
	CBQL				66,7	33,3
Minh họa	HS	2,6	7,7	21,0	40,3	28,5
	GV				50,0	50,0
	CBQL		7,7		61,5	30,8
Dựa vào vấn đề	HS	1,9	6,5	38,1	34,5	19,0
	GV			12,5	12,5	75,0
	CBQL			13,3	66,7	20,0

GV có sử dụng phương pháp dạy học	Mẫu	Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Không có ý kiến (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)
Câu đố	HS	3,5	12,0	27,0	30,8	26,6
	GV		12,5	12,5	50,0	25,0
	CBQL			26,7	60,0	13,0
Trò chơi	HS	4,2	9,0	18,0	33,5	35,3
	GV				50,0	50,0
	CBQL			6,7	66,6	26,7
Đóng vai	HS	6,1	14,6	33,2	26,8	19,4
	GV		12,5	12,5	75,0	
	CBQL			6,7	80,0	13,3
Hỏi đáp	HS	1,3	1,9	12,9	40,5	43,3
	GV				62,5	37,5
	CBQL				50,0	50,0

Đối với việc sử dụng phương pháp dạy học dự án, có gần 1/2 số đối tượng được hỏi không đồng ý hoặc không có ý kiến. Các tỉ lệ này cho thấy không chỉ HS, CBQL mà chính bản thân các GV cũng không biết hoặc không rõ là họ có sử dụng phương pháp dạy học dự án hay không. Điều này dẫn đến một vài nghi vấn liên quan đến thái độ của GV đối với việc chuẩn bị bài giảng nghiêm túc và năng lực chuyên môn thực sự của GV. Hơn nữa, các số liệu này dường như cũng khá mâu thuẫn với tỉ lệ đồng ý cao của HS, GV và CBQL về yếu tố liên quan đến mục tiêu bài giảng được thể hiện rõ ràng ở bảng 1. Điều này dẫn đến một nhận xét khá thú vị, đó là trong khi các phương pháp giảng dạy vốn được xem là các phương tiện để GV truyền đạt các mục tiêu kiến thức, kĩ năng cho HS, nhưng nếu GV không nắm rõ và sử dụng các phương tiện một cách hiệu quả thì liệu rằng các mục tiêu giáo dục mà GV

đang hướng tới có thể đạt được hay không.

Tuy nhiên, với câu hỏi tương tự đối với phương pháp dạy học khác, các ý kiến đánh giá có phần khả quan hơn. Trên 60% cho rằng GV có sử dụng các phương pháp khác, ngoại trừ một tỉ lệ khá lớn HS không đồng ý, không biết hoặc không rõ về việc GV có sử dụng phương pháp dạy học dựa vào vấn đề (46,5%) và đóng vai (53,9%) hay không.

Kết quả khảo sát còn cho thấy, trên 65% đối tượng đồng ý rằng mức độ sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt của GV trong tiết học là hợp lí. Phần lớn đánh giá thể hiện sự đồng ý tương đối cao ở câu hỏi “GV có kĩ năng kiểm soát, bao quát lớp tốt”. Đa số GV đồng ý với câu hỏi “GV có tốc độ bài giảng phù hợp” (trên 90%), trong khi câu hỏi “GV di chuyển linh hoạt trong lớp học để giúp HS thực hiện các hoạt động” thì chỉ có khoảng trên 60% GV trả lời đồng ý, và khoảng

38% không có ý kiến ở câu hỏi “GV có chữ viết đúng, đẹp; cách trình bày bảng rõ ràng, hợp lí”. Tỷ lệ không có ý kiến ở câu trả lời này cho thấy dường như GV chưa chú trọng đến kĩ năng viết chữ

đúng, đẹp và trình bày bảng rõ ràng, hợp lí.

3.3. Về tác phong và thái độ của GV (xem bảng 4)

Bảng 4. Đánh giá mức độ đồng ý của học sinh, GV và CBQL về tác phong sư phạm của GV tiếng Anh

Các nội dung	Mẫu	Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Không có ý kiến (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)
GV có tác phong sư phạm chuẩn mực, gần gũi, ân cần với HS	HS	2,0	0,9	9,7	31,9	55,5
	GV				37,5	62,5
	CBQL				50,0	50,0
GV đối xử công bằng với tất cả các HS trong lớp	HS	1,6	1,8	10,5	35,9	50,3
	GV				37,5	62,5
	CBQL			7,1	42,9	50,0

Nhìn chung, các đối tượng đều tỏ ra đồng tình với ý kiến cho rằng GV thân thiện với HS. Tuy nhiên, cũng có khuynh hướng hơi đối lập với câu trả lời về thái độ thân thiện của GV đối với PH thể hiện ở số câu trả lời của PH là không đồng ý và không có ý kiến với tỉ lệ khá cao (khoảng 45%). Điều này có thể lí giải, vì thực tế PH của HS THPT rất ít khi có điều kiện tiếp xúc với các GV bộ môn (như GV tiếng Anh), nên khó có thể đánh giá chính xác về thái độ của các GV bộ môn.

Kết quả khảo sát đối với các vấn đề có nội dung liên quan chặt chẽ với nhau như: GV luôn tỏ ra hỗ trợ HS; GV

tạo nhiều cơ hội cho HS thực hành tiếng Anh trong lớp học; GV động viên để mỗi HS đều được phát triển năng lực học tập và GV tỏ vẻ hứng thú với các câu trả lời của HS cũng cho thấy tỉ lệ đồng ý của 3 đối tượng khá tương đồng.

Các ý kiến phản hồi ở bảng 4 còn cho thấy, các đối tượng đánh giá cao tác phong sư phạm chuẩn mực của các GV tiếng Anh, đặc biệt là CBQL, với tỉ lệ đồng ý là 100%. Hầu hết các ý kiến của cả 3 đối tượng (trên 80%) đều cho rằng GV đối xử công bằng với tất cả các HS trong lớp.

3.4. Về các thiết đồ dùng dạy học mà GV sử dụng trong tiết học (xem bảng 5)

Bảng 5. Đánh giá tần số các thiết bị, đồ dùng dạy học mà GV sử dụng trong tiết học

Các thiết bị, đồ dùng dạy học mà GV sử dụng	Mẫu	Không có (%)	Không có ý kiến (%)	Có (%)
Băng đĩa các bài hát tiếng Anh	HS	26,7	11,7	61,7
	GV	12,5		87,5
	CBQL	6,7		93,3
Các câu đố	HS	34,8	16,3	48,9
	GV	12,5	12,5	75,0
	CBQL		21,4	78,6
Bảng viết phấn	HS	19,7	11,7	68,6
	GV			100,0
	CBQL		7,1	92,9
Video/ đĩa DVD	HS	26,5	13,8	59,7
	GV	14,3	14,3	71,4
	CBQL	7,7		92,3
Máy tính	HS	33,7	14,4	51,9
	GV		12,5	87,5
	CBQL		14,3	85,7
Tranh ảnh minh họa để học từ vựng	HS	43,4	22,2	34,4
	GV	12,5	37,5	50,0
	CBQL	6,7		93,3
Giấy in lời các bài hát tiếng Anh kèm theo nhịp điệu minh họa	HS	41,8	17,8	40,4
	GV	12,5	12,5	75,0
	CBQL	15,4	38,5	46,1
Áp-phích có in các từ vựng, hình ảnh	HS	52,1	24,2	23,8
	GV	25,0	37,5	37,5
	CBQL	7,1	35,7	57,1
Bảng trắng	HS	47,0	18,8	34,2
	GV	25,0	12,5	62,5
	CBQL	7,7	84,6	7,7
Giấy in lời các bài hát tiếng Anh kèm theo nhịp điệu minh họa	HS	41,8	17,8	40,4
	GV	12,5	12,5	75,0
	CBQL	15,4	38,5	46,1
Áp-phích có in các từ vựng, hình ảnh	HS	52,1	24,2	23,8
	GV	25,0	37,5	37,5
	CBQL	7,1	35,7	57,1
Bảng trắng	HS	47,0	18,8	34,2
	GV	25,0	12,5	62,5

Các thiết bị, đồ dùng dạy học mà GV sử dụng	Mẫu	Không có (%)	Không có ý kiến (%)	Có (%)
	CBQL	7,7	84,6	7,7
Các cuốn sách/truyện tiếng Anh	HS	50,3	23,1	26,6
	GV	42,9	42,9	14,32
	CBQL	8,3	75,0	16,7
Các thẻ chữ và số học từ vựng	HS	56,8	24,8	18,4
	GV	14,3	71,4	14,3
	CBQL	15,4	69,2	15,4
Que chỉ huy	HS	65,9	25,7	8,3
	GV	42,9	57,1	
	CBQL	25,0	66,7	8,3
Mặt nạ/quần áo, trang phục để HS sử dụng khi đóng vai vào các vở kịch	HS	66,9	23,6	9,5
	GV	57,1	28,6	14,3
	CBQL	27,3	63,6	9,1

Kết quả khảo sát cho thấy đa số các đối tượng đều đồng ý (60% trở lên) rằng GV có sử dụng các thiết bị và đồ dùng nêu trong bảng, gồm có: Băng đĩa các bài hát tiếng Anh, băng viết phần và video/đĩa DVD, ngoại trừ tỉ lệ đồng ý còn hơi thấp của HS (chỉ khoảng 50%) ở hai mục: GV sử dụng các câu đố và máy tính. Tuy nhiên, trong khi tỉ lệ đồng ý của GV và CBQL về việc GV sử dụng các thiết bị và đồ dùng đã liệt kê ở mức cao và tương đối đồng đều thì tỉ lệ đồng ý của HS lại ở mức thấp hơn hẳn.

Ý kiến của HS, GV và CBQL cũng cho thấy GV không sử dụng hoặc không có ý kiến về việc GV sử dụng các đồ dùng, trang thiết bị đã được nêu trong bảng 5, bao gồm: tranh ảnh minh họa để học từ vựng, áp-phích có in các từ vựng, bảng trắng, giấy có ghi lời các bài hát tiếng Anh, tranh ảnh minh họa... chiếm tỉ lệ khá cao. Như vậy, có thể trên thực tế, GV còn rất hạn chế trong việc sử dụng các thiết bị và đồ dùng này trong tiết học.

Ngoài ra, ở một số mục, các ý kiến còn tỏ ra khá mâu thuẫn thể hiện qua sự chênh lệch tương đối lớn về tỉ lệ đồng ý với ý kiến là GV có sử dụng đồ dùng, thiết bị. Cụ thể, ở mục GV có sử dụng tranh ảnh minh họa để học từ vựng, trong khi tỉ lệ đồng ý của HS và GV chưa tới 50% thì tỉ lệ đồng ý của CBQL là 93,3%. Tương tự như vậy, ở mục GV sử dụng giấy in lời các bài hát tiếng Anh kèm theo nhịp điệu minh họa, trong khi tỉ lệ đồng ý của HS và GV là chưa quá 1/2 thì có khoảng 3/4 CBQL khẳng định rằng GV có sử dụng các đồ dùng này. Sự chênh lệch tương đối lớn về các tỉ lệ vừa phân tích cho thấy GV tiếng Anh và CBQL chưa có sự nhất quán trong các câu trả lời và dường như việc sử dụng các đồ dùng, thiết bị của GV tiếng Anh cũng chưa được CBQL quan tâm và giám sát một cách chặt chẽ.

Hầu hết các ý kiến của cả 3 đối tượng đều cho rằng GV rất ít khi sử dụng các thiết bị và đồ dùng đã được liệt kê

trong bảng 5, gồm có: các cuốn sách/truyện tiếng Anh, các thẻ chữ và số học từ vựng, que chỉ huy và mặt nạ/quần áo, trang phục để HS sử dụng khi đóng vai trong các vở kịch (dưới 30% các đối tượng có câu trả lời là GV có sử dụng). Điều này cho thấy sự chuẩn bị của các GV còn nhiều hạn chế, các tiết học chủ yếu dựa vào lời giảng của GV, còn các hoạt động chủ yếu được thiết kế từ trong sách giáo khoa.

4. Kết luận và kiến nghị

4.1. Kết luận

Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy phần lớn các GV tiếng Anh (tốt nghiệp khoa Anh, Trường ĐHSPTPHCM từ năm 2007-2011) có kiến thức chuyên môn tương đối tốt, thể hiện ở kết quả là đa số các GV đều nêu bật mục tiêu môn học, thể hiện rõ ràng, chính xác, có hệ thống mục tiêu bài học và nội dung bài giảng; sử dụng các thiết bị và đồ dùng giảng dạy hiệu quả trong tiết dạy của mình. Tuy nhiên, vẫn còn một số GV chưa chú trọng đến các vấn đề trên và chưa chú trọng đến việc đưa ra phần tóm tắt, bài tập rèn luyện cho HS sau khi kết thúc bài; chưa bám sát vào chương trình và chưa đảm bảo đủ thời lượng của tiết dạy. Bên cạnh đó, một số nội dung của các ví dụ mà GV đưa ra còn chưa thực sự gần gũi với HS.

Kỹ năng sư phạm của các GV cũng được đánh giá ở mức tương đối tốt, thể hiện qua việc hầu hết các GV biết cách tạo hứng thú, sử dụng khá linh hoạt và phù hợp các phương pháp giảng dạy phát huy tính chủ động, tích cực của HS. Song, vẫn còn một số GV vẫn chưa thực

sự đầu tư nhiều vào việc rèn luyện kỹ năng cho HS; chưa chú trọng việc sử dụng các kỹ thuật dạy học nhằm tăng cường sự chủ động của người học như kỹ năng dẫn dắt vào mở đầu bài dạy, để làm nóng không khí lớp học nhằm tạo hứng thú học tập cho HS ở ngay đầu tiết học.

Kết quả khảo sát về tác phong sư phạm của GV cho thấy phần lớn các GV đều thể hiện sự tự tin, truyền cảm hứng học tập cho HS và có thái độ thân thiện, tích cực trong quá trình giảng dạy.

4.2. Kiến nghị

Từ kết quả khảo sát trên, với mong muốn góp phần khắc phục những vấn đề còn tồn tại, chúng tôi đề xuất một số ý kiến như sau:

* *Đối với Khoa Tiếng Anh:*

- Cần xem xét, rà soát và điều chỉnh định kỳ lại một số mục tiêu đào tạo, bổ sung các kiến thức về kỹ năng đứng lớp, khả năng và thái độ làm việc với nhiều đối tượng HS khác nhau, kỹ năng thiết kế các hoạt động học tập tăng cường tính chủ động, sáng tạo của HS; chú trọng giáo dục lòng yêu nghề của SV để đáp ứng tiêu chuẩn nghề nghiệp GV THPT.

- Xây dựng, phát triển và thường xuyên cập nhật trang web của khoa.

- Định kỳ tiến hành khảo sát ý kiến về hoạt động đào tạo của khoa với sự tham gia của các đối tượng liên quan: GV, SV, nhà tuyển dụng (trường phổ thông, GV phổ thông và Sở Giáo dục và Đào tạo), nhà nghiên cứu và đặc biệt là SV tốt nghiệp... nhằm cải tiến, nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo của khoa.

- Yêu cầu các giảng viên tham gia thực tế các trường phổ thông nhiều hơn để

cập nhật và điều chỉnh mục tiêu và chuẩn đầu ra, dựa vào mục tiêu chương trình để thiết kế đề cương chi tiết cho phù hợp.

- Đưa học phần phương pháp nghiên cứu khoa học vào giảng dạy như một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ở năm thứ hai.

* Đối với Trường ĐHSPTPHCM:

- Cần phối hợp với khoa trong công tác điều tra và đánh giá tình hình SV tốt nghiệp thường xuyên và quy mô hơn.

- Triển khai các hoạt động tư vấn nghề nghiệp hiệu quả cho SV để giáo dục lòng yêu nghề.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. A.G. Côvaliốp (1971), *Tâm lí học cá nhân*, Nxb Giáo dục.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Quy định Số: 03/2008/QĐ-BGDĐT về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo GV trung học phổ thông trình độ đại học*, Hà Nội.
3. Phạm Tất Dong (2000), *Giúp bạn chọn nghề*, Nxb Giáo dục.
4. Nguyễn Kim Dung (2005), “Đề nghị chuẩn đánh giá giáo viên các trường sư phạm trong giai đoạn mới”, *Kỉ yếu Hội thảo Mục tiêu đào tạo và mô hình Đại học Sư phạm Việt Nam trong giai đoạn mới*, 5(1), tr.101-106.
5. Vũ Dũng (2000), *Từ điển tâm lí học*, Nxb Khoa học xã hội.
6. Freeman, D., & Johnson, K. (Eds.) (1998b), *Special Issue: Research and Practice in English Language Teacher Education*, TESOL Quarterly, 32(3).
7. Phạm Minh Hạc (1996), *Phát triển giáo dục, phát triển con người phục vụ phát triển kinh tế xã hội*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
8. Harmer, J. (2001), *The Practice of English Language Teaching*, 3rd Ed, England: Longman Press.
9. Hattie (2003), “Phân biệt các giáo viên chuyên gia với các giáo viên mới vào nghề và với các giáo viên có kinh nghiệm”, *Kỉ yếu Hội thảo hàng năm của Hội đồng Nghiên cứu Giáo dục Australia về xây dựng chất lượng giáo viên*.
10. Lang, H., McKee, B., Conner, K. (1993), *Characteristics of effective teachers: A descriptive study of the perceptions of faculty and deaf college students*, *American Annals of the Deaf*, 138, 252-259.
11. Nunan, D. (1991), *Language Teaching Methodology: A Text for Teachers*, Englewood Cliffs, N.J.: Prentice-Hall International.
12. Richards, J., C. (2010), *Competence and Performance in Language Teaching*, Published in the handbook of the International Conference “Innovation in Language Teaching and Learning”, HoChiMinh City, 23-24 Sep.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 01-3-2013; ngày phản biện đánh giá: 15-4-2013;
ngày chấp nhận đăng: 15-6-2013)